TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2019/DSST
Ngày 27-11-2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Rô Be**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLST–DS ngày 09 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST–DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Cẩm H –** sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: số 93, ấp K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Đức Đ** – sinh năm 1964 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Bà **Vũ Thị H1** – sinh năm 1968 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Cùng địa chỉ: số 30, ấp K1, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Vũ Thị L** – sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: số 57, ấp K1, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm H trình bày:***

Nguyên trước đây vào ngày 02/12/2017 ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1 có đến nhà chị H hỏi vay số tiền là 300.000.000đ để cho con gái đi du học nước ngoài, hẹn 03 tháng sẽ trả lại; khi đó hai bên có làm biên nhận viết tay, không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 13/02/2018 ông Đ, bà H1 lại tiếp tục vay của chị H thêm số tiền 390.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, hẹn 03 tháng sẽ trả, hai bên có làm biên nhận viết tay. Tổng cộng, ông Đ, bà H1 vay của chị H hai lần với số tiền là 690.000.000đ. Từ khi vay đến nay ông Đ, bà H1 đã trả tiền lãi cho chị H được 39.000.000đ. Sau đó, chị H đã đòi rất nhiều lần nhưng ông Đ, bà H1 vẫn không trả nợ cho chị H. Đến ngày 19/9/2019, ông Đ, bà H1 đã trả cho chị H được số tiền gốc là 30.000.000đ. Chị H khẳng định chữ ký mang tên Bùi Đức Đ và Vũ Thị H1 trong 2 biên nhận mà chị H cung cấp cho Tòa án với nội dung ông Đ, bà H1 còn nợ chị H tổng cộng số tiền 690.000.000đ là chữ ký của ông Đ và bà H1. Nếu không phải chữ ký của ông Đ, bà H1 thì chị H đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bên có liên quan.

Tại phiên tòa, chị H yêu cầu ông Đ, bà H1 phải trả cho chị một lần số tiền là 660.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền gốc 390.000.000đ từ khi vay đến ngày 19/9/2019 và tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền gốc 360.000.000đ từ ngày 20/9/2019 đến khi trả dứt nợ. Đồng thời, chị H đề nghị Tòa án hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời ngăn chặn việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1 sang cho bà Vũ Thị L đối với thửa đất số 257 + 259 (thửa 259 hợp từ thửa 66, 106, 178), tờ bản đồ số 80, diện tích 27.043,4m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 963469 + M 963472 + M 963471 + M 963470, được Ủy ban Nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/5/1999, do ông Bùi Đức Đ đứng tên; đất tọa lạc tại ấp K1, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

**** Theo biên bản lấy lời khai và các lời khai tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị L trình bày*:**

Ngày 26/4/2019, bà và vợ chồng ông Đ, bà H1 có thỏa thuận làm hợp đồng để ông Đ, bà H1 chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất số 257 + 259 (thửa 259 hợp từ thửa 66, 106, 178), tờ bản đồ số 80, diện tích 27.043,4m^2, theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số M 963469 + M 963472 + M 963471 + M 963470, được Ủy ban Nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/5/1999, do ông Bùi Đức Đ đứng tên; đất tọa lạc tại ấp K1, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang sang cho bà L. Hai bên thỏa thuận giá mua đất là 47,5 cây vàng 24K 9999 và 390.000.000đ. Bà L đã giao cho ông Đ, bà H1 47,5 cây vàng và số tiền là 290.000.000đ theo hợp đồng mà hai bên đã tự ký với nhau. Còn 100.000.000đ còn lại hai bên thỏa thuận là khi nào làm giấy tờ xong bà L sẽ giao đủ; nhưng đến ngày 30/7/2019 bà L đã đưa thêm cho ông Đ, bà H1 30.000.000đ, cộng với số tiền bà đã đưa thêm trước đó (bà không nhớ ngày tháng cụ thể) thì tổng cộng bà L đã đưa thêm cho ông Đ, bà H1 70.000.000đ và 100 USD (có viết giấy tay). Số tiền còn lại khoảng hơn 20.000.000đ bà chưa giao cho ông Đ, bà H1 là để làm thủ tục sang tên và đóng thuế, do bà và ông Đ, bà H1 thỏa thuận là chi phí sang tên do các bên chịu chung.

Đến ngày 26/6/2019, bà và ông Đ, bà H1 làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, có chứng thực của Ủy ban Nhân dân xã T và sau đó hai bên đã làm thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên ông Bùi Đức Đ sang tên của bà. Khi đang chờ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình thì bà được biết là ông Đ, bà H1 còn thiếu nợ của chị H ở thị trấn T và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đang bị tạm dừng lại. Sở dĩ trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/6/2019 ghi giá chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên là 800.000.000đ khác so với giá hai bên thực tế giao dịch (47,5 cây vàng 24K 9999 và 390.000.000đ) là vì khi đó hai bên thỏa thuận ghi giá 800.000.000đ để đóng thuế ít lại.

Tại phiên tòa, đối với việc ông Đ, bà H1 còn nợ tiền của chị H thì bà L không có ý kiến vì không liên quan gì đến bà. Đồng thời, bà L đồng ý với yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của chị H.

Do bị đơn ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:***

- Ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã tiến hành các hoạt động tố tụng đúng theo quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo

các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm H.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1 phải trả cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền là 660.000.000đ và tiền lãi từ ngày 13/02/2018 đến ngày 27/11/2019 L 99.118.800đ.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm H về việc đề nghị Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biên pháp khẩn cấp tạm thời số số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 13/8/2019 của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Phạm Thị Cẩm H và ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1 là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm H được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Đ, bà H1 vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị H yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1 nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1.

- Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1] Xét thấy, ngày 02/12/2017 ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1 có vay của chị H số tiền là 300.000.000đ, trong biên nhận không thỏa thuận lãi suất và có hẹn thời gian trả nợ là sau 03 tháng. Đến ngày 13/02/2018 ông Đ, bà H1 lại tiếp tục vay của chị H thêm số tiền 390.000.000đ, trong biên nhận có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng và có hẹn thời gian trả nợ là sau 03 tháng. Tổng cộng, ông Đ, bà H1 vay của chị H hai lần với số tiền là 690.000.000đ. Từ khi vay đến nay ông Đ, bà H1 đã đóng lãi cho chị H được 39.000.000đ. Đến ngày 19/9/2019, ông Đ, bà H1 đã trả cho chị H được số tiền gốc là 30.000.000đ. Khi vay hai bên đều có thỏa thuận thời hạn trả nợ là trong vòng 03 tháng kể từ ngày vay sẽ trả hết nợ, nhưng đến nay đã hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận mà ông Đ, bà H1 chỉ trả được 30.000.000đ tiền gốc và không thực hiện việc trả hết số nợ gốc còn lại cho chị H. Do vậy, việc chị H yêu cầu ông Đ, bà H1 phải trả số nợ gốc là 660.000.000đ là có căn cứ.

[2] *Về lãi suất:* Xét yêu cầu của chị H về việc yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số nợ gốc 390.000.000đ trong biên nhận ngày 13/02/2018,

Hội đồng xét xử xét thấy, khi vay hai bên có thỏa thuận về việc tính lãi nên việc chị H yêu cầu tính lãi trên nợ gốc là có căn cứ. Tuy nhiên, trong biên nhận ngày 13/02/2018 hai bên thỏa thuận lãi suất vay 2%/tháng là vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời chị H cũng có yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Mặt khác, ngày 19/9/2019 ông Đ, bà H1 đã trả cho chị H 30.000.000đ tiền gốc nên việc tính lãi từ thời điểm sau ngày 19/9/2019 phải căn cứ trên số nợ gốc còn lại là 360.000.000đ. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc còn lại theo mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 từ thời điểm vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu của bà Vũ Thị L: Do bà L không có yêu cầu gì đối với việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị Phạm Thị Cẩm H và ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1 nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, lãi suất; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi,

lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Phạm Thị Cẩm H:

- Buộc ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1 phải trả cho chị H số nợ gốc là 660.000.000đ.

- Tiền lãi trên số nợ gốc từ ngày 13/02/2018 đến ngày 27/11/2019:

+ Tiền lãi từ ngày 13/12/2018 đến ngày 19/9/2019 (19 tháng 06 ngày) trên số nợ gốc 390.000.000đ: (390.000.000đ x 19 x 1.666%) + (390.000.000đ x 6 x 0.055%) = 123.450.600đ + 1.287.000đ = 124.737.600đ

+ Tiền lãi từ ngày 20/9/2019 đến ngày 27/11/2019 (02 tháng 07 ngày) trên số nợ gốc 360.000.000đ (sau khi ông Đ, bà H1 đã trả 30.000.000đ tiền nợ gốc): (360.000.000đ x 2 x 1.666%) + (360.000.000đ x 7 x 0.055%) = 11.995.200đ + 1.386.000đ = 13.381.200đ

Tổng cộng tiền lãi là 138.118.800đ, khấu trừ số tiền lãi 39.000.000đ mà ông Đ, bà H1 đã trả cho chị H thì tiền lãi ông Đ, bà H1 còn phải trả là 99.118.800đ.

Về việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Xét thấy, căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm H thì ngày 13/8/2019 Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự: Phong tỏa Quyền sử dụng đối với thửa đất số 257 + 259 (thửa 259 hợp từ thửa 66, 106, 178), tờ bản đồ số 80, diện tích 27.043,4m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 963469 + M 963472 + M 963471 + M 963470, được Ủy ban Nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/5/1999, do ông Bùi Đức Đ đứng tên; đất tọa lạc tại ấp K1, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị H đề nghị Tòa án hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên. Đồng thời, bà Vũ Thị L cũng đồng ý với yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của chị H. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 112 và khoản 1 Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của chị Phạm Thị Cẩm H.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của chị Phạm Thị Cẩm H được chấp nhận nên chị H không phải chịu án phí.

Buộc ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1 phải nộp án phí là: 20.000.000đ + (4% x 359.118.800đ) = 34.364.752đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 112 và khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Phạm Thị Cẩm H về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1.

2. Buộc ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1 phải trả cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền gốc là 660.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 13/02/2018 đến ngày 27/11/2019 là 99.118.800đ (Chín mươi chín triệu một trăm mười tám nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc 360.000.000đ và lãi 99.118.800đ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; trong trường hợp này do mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên mức lãi suất được áp dụng là mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với khoản tiền gốc 300.000.000đ thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời:

- Huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa

vụ" quy định tại Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 13/8/2019.

- Hủy bỏ việc phong tỏa tài khoản mang tên Phạm Thị Cẩm H, số tài khoản 27577813, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh R, phòng giao dịch T; địa chỉ: số 29, khu phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

4. ***Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*** Ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1 phải nộp số tiền là: 20.000.000đ + (4% x 359.118.800đ) = 34.364.752đ (Ba mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền là 15.800.000đ (Mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003519 ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Bùi Đức Đ, bà Vũ Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo